HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN

VỀ

VIỆC ĐI LẠI CỦA CÔNG DÂN HAI NƯỚC

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan, sau đây gọi là "Các Bên";

Với mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị và tạo điều kiện cho các chuyến đi của công dân hai nước;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân của một Bên mang giấy tờ đi lại còn giá trị của nước mình và có thị thực còn giá trị của Bên kia hoặc được miễn thị thực theo quy định tại các Điều 2, 3 và 5 của Hiệp định này có thể nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Bên kia qua các cửa khẩu dành cho khách quốc tế, hoặc các cửa khẩu do hai Bên quy định.

2. Giấy tờ đi lại còn giá trị quy định tại Hiệp định này bao gồm:

Đối với công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Hộ chiếu ngoại giao;

- Hộ chiếu công vụ;

- Hộ chiếu phổ thông;

- Hộ chiếu thuyền viên;

- Giấy thông hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với công dân nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan:

- Hộ chiếu ngoại giao;

- Hộ chiếu công vụ;

- Hộ chiếu của công dân nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan;

- Hộ chiếu thuyền viên;

- Thẻ thành viên của phi hành đoàn của nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan;

- Giấy thông hành để trở về Cộng hòa Ca-dắc-xtan.

Điều 2

1. Công dân của một Bên mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, và trẻ em có tên và ảnh trong hộ chiếu của bố/mẹ sẽ được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên kia và được lưu trú trên lãnh thổ Bên kia không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên.

2. Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Bên mà người mang hộ chiếu quy định tại khoản 1 Điều này là công dân, Bên kia có thể gia hạn thời gian lưu trú cho người đó.

Điều 3

Công dân của một Bên là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự đóng trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình cùng chung sống với họ, mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu trú cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của Bên kia trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhập cảnh, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên kia trong suốt nhiệm kỳ công tác.

Điều 4

1. Việc nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú và đi lại của công dân mỗi Bên nêu tại các Điều 2, 3 và 5 Hiệp định này, trên lãnh thổ Bên kia phải phù hợp với quy định tại Hiệp định này và pháp luật của Bên kia.

2. Công dân của một Bên mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ, được bổ nhiệm làm thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, có nghĩa vụ tôn trọng pháp luật của nước tiếp nhận trong thời gian lưu trú trên lãnh thổ nước đó. Công dân một Bên không thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ khi lưu trú trên lãnh thổ Bên kia có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật nước tiếp nhận, bao gồm các quy định về đăng ký lưu trú, đi lại và quá cảnh.

Điều 5

1. Thuyền viên tàu biển của một Bên mang hộ chiếu thuyền viên, có tên trong danh sách thuyền viên, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh lãnh thổ Bên kia tại các cảng đường thủy và lưu trú trong phạm vi thành phố hoặc thị trấn nơi có cảng đó.

2. Trường hợp những công dân nói trên của một Bên là thuyền viên tàu biển xuất cảnh khỏi phạm vi thành phố hoặc thị trấn nơi có cảng đó, hoặc trong trường hợp phải tiếp tục hành trình bằng đường bộ hoặc đường hàng không vì lý do không lường trước được hoặc bất khả kháng, thì phải xin thị thực của Bên kia.

3. Công dân của một Bên là thành viên tổ bay, mang hộ chiếu còn giá trị và thẻ thành viên của phi hành đoàn, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên kia. Trong trường hợp vì lý do không lường trước được hoặc bất khả kháng, những người này được lưu trú trong phạm vi của cảng hàng không.

Điều 6

Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của một Bên đóng trên lãnh thổ Bên kia, phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình, sẽ cấp thị thực cho công dân của Bên kia với các mục đích công vụ trên cơ sở công hàm đề nghị của Bộ Ngoại giao Bên kia.

Điều 7

1. Trường hợp công dân của một Bên nêu tại Điều 2 Hiệp định này mất giấy tờ đi lại trên lãnh thổ Bên kia thì phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận để được nhận giấy xác nhận về việc mất giấy tờ.

2. Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của một Bên sẽ cấp giấy tờ đi lại mới cho những công dân của mình nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 8

Các cơ quan có thẩm quyền của các Bên thực hiện các qui định của khoản 1 Điều 7 Hiệp định này là:

Phía Việt Nam: Bộ Công an và Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phía Ca-dắc-xtan: Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan.

Trong trường hợp có sự thay đổi về tên gọi hoặc chức năng của các cơ quan có thẩm quyền nói trên, các Bên sẽ thông báo kịp thời cho nhau qua đường ngoại giao.

Điều 9

1. Vì lợi ích an ninh quốc gia, trật tự xã hội hoặc sức khỏe cộng đồng, mỗi Bên có quyền từ chối nhập cảnh, rút ngắn hoặc chấm dứt thời gian lưu trú đối với công dân của Bên kia bị coi là người không được hoan nghênh.

2. Trong trường hợp này, Bên tiếp nhận sẽ thông báo qua đường ngoại giao cho Bên kia trong vòng 20 ngày kể từ khi quyết định rút ngắn hoặc chấm dứt thời gian lưu trú hoặc từ chối nhập cảnh đối với người không được hoan nghênh.

Điều 10

1. Trong trường hợp có dịch bệnh, thiên tai hoặc các trường hợp khẩn cấp khác, mỗi Bên có thể đình chỉ tạm thời việc thi hành một phần hoặc toàn bộ các điều khoản của Hiệp định này.

2. Hai Bên sẽ thông báo cho nhau qua đường ngoại giao việc đình chỉ thi hành Hiệp định trong thời gian sớm nhất có thể.

3. Việc tạm đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ các điều khoản của Hiệp định này không ảnh hưởng đến quy chế của công dân Bên này đang lưu trú trên lãnh thổ Bên kia phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

Điều 11

Hai Bên sẽ chia sẻ thông tin qua đường ngoại giao và trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thi hành Hiệp định này nếu thấy cần thiết.

Điều 12

Hai Bên có thể thỏa thuận sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định này bằng các Nghị định thư bổ sung và các Nghị định thư bổ sung sẽ được coi là bộ phận không tách rời của Hiệp định.

Điều 13

Trong trường hợp có bất đồng về giải thích hoặc thi hành Hiệp định này, hai Bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán và tham vấn.

Điều 14

1. Hai Bên sẽ trao cho nhau qua đường ngoại giao, các mẫu giấy tờ đi lại còn giá trị được nêu tại khoản 2 Điều 1 Hiệp định này không muộn hơn ba mươi (30) ngày trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hai Bên sẽ thông báo và trao cho nhau qua đường ngoại giao các mẫu giấy tờ đi lại mới không muộn hơn ba mươi (30) ngày trước khi sử dụng.

Điều 15

1. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn và sẽ tiếp tục có hiệu lực sáu (6) tháng kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi mốt (61) kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hai Bên đã hoàn tất các thủ tục nội luật cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

Làm tại Astana ngày 15 tháng 9 năm 2009 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc-xtan, tiếng Nga và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau về Hiệp định này, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT **CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA** **XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA** **CA-DẮC-XTAN**
NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	NURLAN ERMECBAEP
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі арасындағы Екі мемлекет азаматтарының өзара сапарлары туралы келісім

Бұдан әрі Тараптар деп аталатын Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі,

достық қатынастарды нығайтуға, сондай-ақ екі мемлекет азаматтарының өзара сапарларын қамтамасыз етуге ниет білдіре отырып,

төмендегілер туралы келісті:

1-бап

1. Шет елге шығу үшін жарамды құжаттардың иелері, екінші Тарап мемлекетінің визасы бар не осы Келісімнің 2, 3 және 5-баптарына сәйкес визалық талаптардан босатылған бір Тарап мемлекетінің азаматтары екінші Тарап мемлекетінің аумағына халықаралық қатынастарға ашық кедендік пункттер арқылы немесе басқа да белгіленген кедендік пункттер арқылы келе алады, кете алады немесе транзитпен өте алады.

2. Осы Келісімнің ұғымында шетелге жол жүру үшін жарамды құжаттар мыналар болып табылады:

Вьетнам Социалистік Республикасының азаматтары үшін:

дипломаттық паспорт;

ресми паспорт;

паспорт;

теңізші паспорты;

Вьетнам Социалистік Республикасының Laissez-passer.

Қазақстан Республикасының азаматтары үшін:

дипломаттық паспорт;

қызметтік паспорт;

Қазақстан Республикасы азаматының паспорты;

теңізші паспорты

Қазақстан Республикасы өуе кемесінің экипаж мүшесінің сертификаты;

Қазақстан Республикасына қайта оралуына арналған АБ және АЖ сериялы куәлік;

2-бап

1. Жарамды дипломаттық немесе ресми/қызметтік паспорттары бар Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары, сондай-ақ ата-анасының

паспорттарында аттары және суреттері көрсетілген олардың балалары екінші Тарап мемлекетінің аумағына визалық талаптарсыз келе алады, кете алады және транзитпен өте алады және екінші Тарап мемлекетінің аумағында бірінші кірген күнінен бастап санағанда 30 (отыз) күннен аспайтын мерзімге қала алады.

2. Бір Тарап мемлекетінің дипломатиялық өкілдігінің немесе консулдық мекемесінің жазбаша өтініші негізінде екінші Тарап осы баптың 1-тармағында көрсетілген паспорттарды иеленуші азаматтарға болу уақытын ұзартады.

3-бап

Екінші Тарап мемлекетінің аумағында дипломатиялық өкілдіктің немесе консулдық мекеменің қызметкері ретінде жұмыс істейтін жарамды дипломаттық немесе ресми/қызметтік паспорттары бар Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары, сондай-ақ жарамды дипломатиялық немесе ресми/қызметтік паспорттары бар олармен бірге тұратын отбасы мүшелері келген күнінен бастап 30 (отыз) күн ішінде екінші Тарап мемлекетінің құзыретті органдарында болуын қажетті аккредиттеу рәсімдерін аяқтағаннан кейін өз қызметтік міндеттерін орындау кезеңі ішінде екінші Тарап мемлекетінің аумағына визасыз келе алады, бола алады және кете алады.

4-бап

1. Осы Келісімнің 2, 3 және 5-баптарында көрсетілген Тараптардың бірінің мемлекеті азаматтарының екінші Тарап мемлекетінің аумағына кіруі, шығуы, болуы және жүріп-тұруы осы Келісімге және екінші Тарап мемлекетінің ұлттық заңнамасына сәйкес жүзеге асырылады.

2. Дипломаттық және ресми/қызметтік паспорттардың иелері болып табылатын және болатын мемлекетте аккредиттелген Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары екінші Тарап мемлекетінің аумағында болуы кезінде болатын мемлекеттің ұлттық заңнамасын құрметтеуге міндетті. Болатын мемлекетте артықшылықтары мен иммунитеттері жоқ Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары болуын, жүріп-тұруын және транзитін тіркеу үдерісін қоса алғанда, екінші Тарап мемлекетінің аумағында болған кезінде болатын мемлекеттің ұлттық заңнамасын сақтауға міндетті.

5-бап

1. Теңізші паспорты бар Тараптардың бірінің теңіз кемесі экипажының мүшелері кеме рөлі болған жағдайда, егер олар екінші Тарап мемлекетінің аумағына айлақтар арқылы кіретін және шығатын болса, визалық талаптардан босатылады, сондай-ақ айлақ орналасқан қалада немесе ауданда бола алады.

2. Теңіз кемесі экипажының мүшелері болып табылатын жоғарыда көрсетілген Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары айлақ орналасқан қаладан немесе ауданнан шыққан жағдайда немесе күтпеген және форс-мажорлық жағдайлардың себебінен құрлықта немесе әуеде жол жүруін жалғастыру қажет болған жағдайда екінші Тарап мемлекетінің визасын алуға міндетті.

3. Шет елге шығу үшін жарамды паспорттары және әуе экипажының сертификаттары бар әуе кемесі экипажының мүшелері болып табылатын Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары екінші Тарап мемлекетінің аумағына кіру, шығу немесе транзитпен өту кезінде визалық талаптардан босатылады. Күтпеген және форс-мажорлық жағдайларда оларға әуежай аумағында қалуға рұқсат беріледі.

6-бап

Бір Тарап мемлекетінің екінші Тарап мемлекетінің аумағында аккредиттелген дипломатиялық өкілдігі немесе консулдық мекемесі өз мемлекетінің ұлттық заңнамасына сәйкес екінші Тарап мемлекетінің қызмет бабында бара жатқан азаматтарына екінші Тарап мемлекетінің Сыртқы істер министрлігінің нотасы негізінде тиісті виза беруді жүзеге асырады.

7-бап

1. Осы Келісімнің 2-бабында көрсетілген Тараптардың бірі мемлекетінің азаматтары құжаттарын жоғалтқан жағдайда құжаттарын жоғалтқандығы туралы мәлімдемені растайтын анықтама алу үшін ол туралы дереу болу мемлекетінің құзыретті органдарына хабарлауға тиіс.

2. Осы баптың 1-тармағында көрсетілген азаматтарға өз мемлекеттерінің дипломатиялық өкілдіктері немесе консулдық мекемелері шет елдерге шығу үшін жарамды жаңа құжаттар береді.

8-бап

Осы Келісімнің 7-бабы 1-тармағының ережелерін іске асыру мақсатында Тараптар мемлекеттерінің құзыретті органдары мыналар болып табылады:

Вьетнам тарапынан: Вьетнам Социалистік Республикасы Қоғамдық қауіпсіздік министрлігі және Сыртқы істер министрлігі.

Қазақстан тарапынан: Қазақстан Республикасы Ішкі істер министрлігі және Сыртқы істер министрлігі.

Жоғарыда айтылған құзыретті органдардың атаулары немесе олардың функциялары өзгерген жағдайда Тараптар бұл туралы бір-біріне дипломатиялық арналар арқылы уақтылы хабарлайды.

9-бап

1. Ұлттық қауіпсіздік, қоғамдық тәртіп немесе денсаулық сақтау мүддесі үшін Тараптардың әрқайсысы екінші Тарап мемлекетінің азаматына, егер көрсетілген тұлға жағымсыз болып танылса, кіруге рұқсат беруден бас тартуға, оның болу мерзімін қысқартуға немесе тоқтатуға құқылы.

2. Мұндай жағдайда қабылдаушы Тарап бұл туралы дипломатиялық арналар арқылы жағымсыз тұлғаның болу мерзімін қысқарту, болу мерзімін тоқтату не келуіне тыйым салу туралы шешім қабылданғаннан кейін 20 күн ішінде екінші Тарапқа хабарлайды.

10-бап

1. Тараптардың әрқайсысы індет, табиғи апаттар немесе басқа да төтенше жағдайлар болған жағдайда осы Келісімнің қолданысын толық немесе ішінара уақытша тоқтата тұруы мүмкін.

2. Осындай уақытша тоқтата тұру туралы Тараптардың бірі дипломатиялық арналар арқылы хабардар етілуі тиіс.

3. Осы Келісімнің қолдалынысын толық немесе ішінара тоқтата тұру осы Келісімнің ережелеріне сәйкес Тараптардың бірі мемлекетінің аумағындағы Тараптар мемлекеттері азаматтарының жүріп-тұруы тәртібіне қолданылмайды.

11-бап

Тараптар қажеттілігіне қарай дипломатиялық арналар арқылы ақпарат алмасады және осы Келісімнің ережелерін іске асыруға байланысты мәселелер бойынша консультациялар алады.

12-бап

Тараптардың өзара келісімі бойынша осы Келісімге өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін, олар жеке хаттамалармен ресімделеді және оның ажырамас бөліктері болып табылады.

13-бап

Осы Келісімді түсіндіру немесе орындау кезінде келіспеушіліктер туындаған жағдайда Тараптар оларды келіссөздер және консультациялар арқылы шешеді.

14-бап

1. Тараптар осы Келісімнің 1-бабының 2-тармағында көрсетілген жарамды шетелдік құжаттардың үлгілерімен осы Келісімнің күшіне енуіне дейін 30 (отыз) күннен кешіктірмей дипломатиялық арналар арқылы алмасады.

2. Тараптар дипломатиялық арналар арқылы жаңа жарамды шетелдің құжаттарды енгізу туралы хабарлайды және олар күшіне енгізілгенге дейін 30 (отыз) күннен кешіктірмей олардың үлгілерімен алмасуға тиіс.

15-бап

1. Осы Келісім белгіленбеген мерзімге жасалады және Тараптардың бірі мемлекетінің дипломатиялық арналары арқылы осы Келісімнің қолданылуын тоқтату ниеті туралы екінші Тараптың жазбаша хабарламасын алған күнінен бастап алты (6) ай өткенге дейін күшінде болады.

2. Осы Келісім оның күшіне енуі үшін қажетті мемлекетішілік рәсімдерді Тараптардың орындағаны туралы дипломатиялық арналар арқылы соңғы жазбаша хабарлама алынған күнінен бастап алпыс бірінші (61-ші) күні күшіне енеді.

Астана қаласында 2009 жылғы «16» қаңтарда әрқайсысы вьетнам, қазақ, орыс және ағылшын тілдерінде екі данада жасалды, әрі барлық мәтіндердің күші бірдей. Осы Келісімнің ережелерін түсіндіруде келіспеушіліктер туындаған жағдайда Тараптар ағылшын тіліндегі мәтінге жүгінетін болады.

Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі үшін	**Қазақстан Республикасының Үкіметі үшін**

СОГЛАШЕНИЕ
МЕЖДУ
ПРАВИТЕЛЬСТВОМ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ
И
ПРАВИТЕЛЬСТВОМ РЕСПУБЛИКИ КАЗАХСТАН
О
ВЗАИМНЫХ ПОЕЗДКАХ ГРАЖДАН ОБОИХ ГОСУДАРСТВ

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Республики Казахстан, далее именуемые «Сторонами»;

желая укрепить дружеские отношения, а также обеспечить гражданам обоих государств взаимные поездки;

согласились о нижеследующем:

Статья 1

1. Граждане государства одной Стороны, владельцы действительных документов для выезда за границу, имеющие визу государства другой Стороны, либо освобожденные от визовых требований в соответствии со статьями 2, 3 и 5 настоящего Соглашения, могут въезжать, выезжать или следовать транзитом по территории государства другой Стороны через пограничные пункты, открытые для международного сообщения или через другие определенные пограничные пункты.

2. В понимании настоящего Соглашения документами действительными для выезда за границу являются:

Для граждан Социалистической Республики Вьетнам:
- дипломатический паспорт;
- официальный паспорт;
- паспорт;
- паспорт моряка;
- Laissez-passer Социалистической Республики Вьетнам.

Для граждан Республики Казахстан:
- дипломатический паспорт;
- служебный паспорт;
- паспорт гражданина Республики Казахстан;
- паспорт моряка;
- сертификат члена экипажа воздушного судна Республики Казахстан;

- свидетельство на возвращение серии АБ и АЖ в Республику Казахстан.

Статья 2

1. Граждане государства одной из Сторон, владельцы действительных дипломатических и официальных/служебных паспортов, а также их дети, имена и фотографии которых указаны в паспортах родителей, могут въезжать, выезжать и следовать транзитом через территорию государства другой Стороны без визовых требований и оставаться на территории государства другой Стороны на период, не превышающий тридцати (30) дней, считая с первого дня въезда.

2. На основании письменного обращения дипломатического представительства или консульского учреждения государства одной Стороны, другая Сторона продлевает время пребывания гражданам, обладающим паспортами, указанными в пункте 1 настоящей статьи.

Статья 3

Граждане государства одной из Сторон, владельцы действительных дипломатических или официальных/служебных паспортов, работающие на территории государства другой Стороны в качестве сотрудников дипломатического представительства или консульского учреждения, а также члены их семей, проживающие с ними владельцы действительных дипломатических или официальных/служебных паспортов, после завершения необходимых процедур аккредитации пребывания в компетентных органах государства другой Стороны в течение тридцати (30) дней со дня въезда могут въезжать, пребывать и выезжать с территории государства другой Стороны без визы на период выполнения своих служебных обязанностей.

Статья 4

1. Въезд, выезд, пребывание и передвижение граждан государства одной из Сторон, указанных в статьях 2, 3 и 5 настоящего Соглашения, на территории государства другой Стороны осуществляются в соответствии с настоящим Соглашением и национальным законодательством государства другой Стороны.

2. Граждане государства одной из Сторон, являющиеся владельцами дипломатических и официальных/служебных паспортов и аккредитованные в государстве пребывания, во время их пребывания на территории государства другой Стороны обязаны уважать национальное законодательство государства пребывания. Граждане

государства одной из Сторон, не обладающие иммунитетами и привилегиями в государстве пребывания, во время пребывания на территории государства другой Стороны обязаны соблюдать национальное законодательство государства пребывания, включая процесс регистрации пребывания, передвижения и транзита.

Статья 5

1. Члены экипажа морского судна одной из Сторон, которые имеют паспорт моряка, при наличии судовой роли, освобождаются от визовых требований, если они въезжают и выезжают с территории государства другой Стороны, через порты, а также могут находиться в городе или районе, где расположен порт.

2. Вышеуказанные граждане государства одной из Сторон, которые являются членами экипажа морского судна, в случае их выезда из города или района, где расположен порт, или в случае необходимости продолжения пути по суше или по воздуху по причине непредвиденных и форс-мажорных обстоятельств, обязаны получить визу государства другой Стороны.

3. Граждане государства одной из Сторон, являющиеся членами воздушного экипажа, имеющие действительные паспорта для выезда за границу и сертификаты воздушного экипажа при въезде, выезде или транзите через территорию государства другой Стороны освобождаются от визовых требований. В случае непредвиденных и форс-мажорных обстоятельств им позволяется оставаться на территории аэропорта.

Статья 6

Дипломатическое представительство или консульское учреждение государства одной Стороны, аккредитованное на территории государства другой Стороны, в соответствии с национальным законодательством своего государства осуществляет выдачу соответствующих виз гражданам государства другой Стороны, выезжающим по служебным делам, на основании ноты Министерства иностранных дел государства другой Стороны.

Статья 7

1. Граждане государства одной из Сторон, указанные в статье 2 настоящего Соглашения, в случае утери документов, должны незамедлительно сообщить об этом в компетентные органы государства

пребывания для получения справки, подтверждающей заявление об утере документов.

2. Гражданам, указанным в пункте 1 настоящей статьи, дипломатическими представительствами или консульскими учреждениями их государств выдаются новые документы, годные для выезда за рубеж.

Статья 8

Компетентными органами государств Сторон в целях реализации положений пункта 1 статьи 7 настоящего Соглашения являются:

С Вьетнамской стороны: Министерство общественной безопасности и Министерство иностранных дел Социалистической Республики Вьетнам.

С Казахстанской стороны: Министерство внутренних дел и Министерство иностранных дел Республики Казахстан.

В случае изменения названий вышеупомянутых компетентных органов или функций, Стороны информируют друг друга об этом своевременно по дипломатическим каналам.

Статья 9

1. В интересах национальной безопасности, общественного порядка или здравоохранения каждая из Сторон вправе отказать гражданину государства другой Стороны в разрешении на въезд, сократить или прекратить его пребывание, если указанное лицо будет признано нежелательным.

2. В этом случае принимающая Сторона информирует об этом другую Сторону через дипломатические каналы в течение 20 дней после принятия решения о сокращении, прекращении срока пребывания, либо запрете на въезд нежелательного лица.

Статья 10

1. Каждая из Сторон, в случае эпидемии, природных катаклизмов или в других чрезвычайных случаях может временно приостановить действие настоящего Соглашения полностью или частично.

2. Одна из Сторон должна быть уведомлена по дипломатическим каналам в кратчайшие сроки о подобной приостановке.

3. Полное или частичное приостановление действия настоящего Соглашения не распространяется на порядок пребывания

граждан государств Сторон, находящихся на территории государства одной из Сторон, в соответствии с положениями настоящего Соглашения.

Статья 11

Стороны по мере необходимости обмениваются по дипломатическим каналам информацией и консультируются по вопросам, связанным с реализацией положений настоящего Соглашения.

Статья 12

По взаимному согласию Сторон в настоящее Соглашение могут вноситься изменения и дополнения, которые оформляются отдельными протоколами и являются его неотъемлемыми частями.

Статья 13

В случае возникновения разногласий при толковании или выполнении настоящего Соглашения, Стороны разрешают их путем переговоров и консультаций.

Статья 14

1. Стороны обмениваются образцами действительных заграничных документов, указанных в пункте 2 статьи 1 настоящего Соглашения, через дипломатические каналы не позднее, чем за тридцать (30) дней до вступления в силу настоящего Соглашения.
2. Стороны информируют, через дипломатические каналы, о введении новых действительных заграничных документов и должны обменяться их образцами не позднее, чем за тридцать (30) дней до их введения.

Статья 15

1. Настоящее Соглашение заключается на неопределенный срок и остается в силе до истечения шести (6) месяцев со дня получения одной Стороной письменного уведомления по дипломатическим каналам другой Стороны об её намерении прекратить действие настоящего Соглашения.
2. Настоящее Соглашение вступает в силу на шестьдесят первый (61-й) день со дня получения последнего письменного уведомления п о дипломатическим каналам о выполнении Сторонами

внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу.

Совершено в городе Астана «15» Сентября 2009 года, в двух экземплярах, каждый на вьетнамском, казахском, русском и английском языках, при этом все тексты имеют одинаковую силу. В случае возникновения разногласий, при толковании настоящего соглашения Стороны будут обращаться к тексту на английском языке.

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ

Нгуен Куок Конг

Заместитель министра иностранных дел

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО КАЗАХСТАН РЕСПУБЛИКИ

Н. Ермекбаев

Заместитель министра иностранных дел

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN

ON

MUTUAL TRIPS OF THE CITIZENS OF BOTH STATES

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Kazakhstan, hereinafter referred to as "the Parties";

Guided by desire to develop friendly relations and to provide conditions for mutual trips of the citizens of both states;

Have agreed as follows:

Article 1

1. Citizens of the State of one Party possessing valid travel documents of their state, who have either visa of the State of the other Party or are exempted from visa requirements in accordance with Articles 2, 3 and 5 of this Agreement may enter, leave or transit through the territory of the State of the other Party through the frontier points opened for international communication or through the other specified frontier points.

2. The valid travel documents as per this Agreement are:

For the citizens of the Socialist Republic of Vietnam:

- Diplomatic passport;

- Official passport;

- Passport;

- Seaman's passport;

- Laissez-passer of the Socialist Republic of Vietnam.

For the citizens of the Republic of Kazakhstan:

- Diplomatic passport;

- Service passport;

- Passport of a citizen of the Republic of Kazakhstan;

- Seaman's passport;

- Certificate of aircraft crew member of the Republic of Kazakhstan;

- Certificate of Return to the Republic of Kazakhstan.

Article 2

1. Citizens of the State of one of the Parties possessing valid diplomatic or official/service passports as well as their children whose names and photos are included in passports of their parents, shall be exempted from visa requirements of the other State to enter, leave and transit through the territory and permitted to stay in the territory of the other Party for a period not exceeding thirty (30) days as from the first day of entry.

2. Upon written requests of the diplomatic mission or consular office of the State of one Party, the other Party shall extend the duration of stay for the citizens, holding passports referred to in paragraph 1 of this Article.

Article 3

Citizens of the state of one Party holding valid diplomatic or official/service passports, working in territory of the State of the other Party as staff members of a diplomatic mission or a consular office and members of their families living with them holding valid diplomatic or official/service passports, after completion of the necessary procedures for registration of stay at the competent authorities of the state of the other Party within thirty (30) days as from the day of entry may enter, stay and leave the territory of the State of the other Party without a visa for a period of exercise of their official functions.

Article 4

1. The entry, exit, stay and movement of the citizens of the State of one Party referred to in Articles 2, 3 and 5 of this Agreement, in the territory

of the State of the other Party is subject to this Agreement and the national legislation of the State of the other Party.

2. Citizens of the State of one Party who are owners of diplomatic and official/service passports and accredited in the State of stay during their stay in the territory of the State of the other Party are obliged to respect the national legislation of the host State. Citizens of the State of one of the Parties who do not have the immunities and privileges in the State of stay during their stay in the territory of the State of the other Party are obliged to observe national legislation of the host State, including the process of registration of stay, movement and transit.

Article 5

1. Members of crew of sea-vessel of the State of one Party holding seaman's passports and being on a crew list shall be exempted from visa requirements if they enter and exit from the territory of the State of one Party at its ports and stay within the limit of city or district wherein the ports are located.

2. The above-mentioned citizens of the State of one Party who are members of sea-vessel crew, in case of their exit from the limit of city or district wherein the port is located, or in case of need to continue their journey by road or air transport due to unforeseen circumstances or force-majeure, shall obtain visas of the State of the other Party.

3. Citizens of the State of one Party, being members of aircrew, holding valid passports and the certificates of aircrew member, shall be exempted from visa requirements for entry, exit or transit through the territory of the State of the other Party. In case of unforeseen circumstances or force-majeure they are permitted to stay within the territory of the airport.

Article 6

Diplomatic mission and consular office of the State of one Party, located in the territory of the State of the other Party, shall issue visas in conformity with its national laws to citizens of the State of the other Party proceeding for official purposes, on the basis of the note of the Ministry of Foreign Affairs of the State of the other Party.

Article 7

1. Citizens of the State of one of the Parties referred in Article 2 of this Agreement, in case of loss of documents, shall immediately inform the competent authorities of the host State for receipt of a certificate confirming application of the lost documents.

2. Diplomatic mission or consular offices of the State issue new documents valid for travel abroad, to the citizens of the State referred to in paragraph 1 of this article.

Article 8

The competent authorities of the States of the Parties implementing the provisions of paragraph 1 of Article 7 of this Agreement are:

For the Vietnamese side: The Ministry of Public Security and the Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam.

For Kazakhstan side: The Ministry of Interior and Ministry of Foreign Affairs of the Republic of Kazakhstan.

In case of any changes to names of the above-mentioned competent authorities' or functions, the Parties shall inform each other in due time through diplomatic channels.

Article 9

1. In the interests of national security, public order or public health, either Party shall reserve the right to refuse entry, to shorten or terminate the duration of stay of any citizen of the State of the other Party if such citizen is considered to be persona non grata.

2. In such cases the receiving Party shall inform the other Party through diplomatic channels during 20 days after taking decision to shorten or terminate stay, or refuse entry to the persona non grata.

Article 10

1. The Parties, in cases of epidemic, natural disasters or for other emergencies, may temporarily suspend the implementation of a part or of all provisions of the Agreement.

2. One of the Parties shall be notified through diplomatic channels as soon as possible of such suspension.

3. In case of temporary suspension of the implementation of part or of all provisions of the Agreement, it shall not affect the status of the citizens of the State of one Party who are staying in the territory of the State of the other Party in conformity with this Agreement.

Article 11

If necessary, the Parties shall share information through diplomatic channels and consult on the questions of the implementation of this Agreement.

Article 12

By mutual consent the Parties may amend or supplement this Agreement by additional Protocols which shall be considered as integral parts of this Agreement.

Article 13

In case of disputes on interpretation or implementation of this Agreement, the Parties will solve them by means of negotiations and consultations.

Article 14

1. The Parties shall exchange, through diplomatic channels, specimens of valid travel documents referred to in paragraph 2 of Article 1 of the Agreement not later than thirty (30) days before the entry into force of this Agreement.

2. The Parties shall, through the diplomatic channels, inform each other of introduction of their new valid travel documents and shall exchange the specimens not later than thirty (30) days before their use.

Article 15

1. This Agreement is concluded for an indefinite period and will remain in force before expiration of six (6) months from the date of receipt by one Party of written notification of the other Party about its intention to terminate this Agreement.

2. This Agreement shall come into force on 61st day from the date of receipt of the last notification in writing through diplomatic channels about completion of all internal procedures by the Parties necessary for its entry into force.

Done at...Astana....on...15....September...2009, in duplicate each in Vietnamese, Kazakh, Russian and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence in the interpretation of this Agreement, the Parties shall apply to the English text.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
NGUYEN QUOC CUONG	NURLAN ERMECBAEV
Deputy Minister of Foreign Affairs	Deputy Minister of Foreign Affairs